



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00259

Trang 1/1

Học Kỳ 3 - Năm Học 12-13

Môn Học : Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/08/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV101

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (%)	Điểm thi (10%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10150105	TRẦN NGỌC TUẤN ANH	DH10TM	1	<i>[Signature]</i>	00		5.0	5.0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10120059	RAH LAN AN	DH10KT	1	<i>[Signature]</i>	2.0		5.6	7.6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08222007	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	TC08QTTD	1	<i>[Signature]</i>	00		5.0	5.0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10363010	MAI THỊ THANH CHÂU	CD10CA	1	<i>[Signature]</i>	2.0		8.0	10	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11164001	VÕ QUỐC CÔNG	DH11TC	1	<i>[Signature]</i>	2.0		4.0	6.0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11143187	ĐOÀN THỊ THÙY DUNG	DH11KM	1	<i>[Signature]</i>	2.0		6.5	8.5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11143226	LÊ PHAN HUYỀN DUYẾN	DH11KM	1	<i>[Signature]</i>	2.0		6.5	8.5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11143044	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	DH11KM	1	<i>[Signature]</i>	2.0		6.9	8.9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11120078	PHẠM MINH DƯƠNG	DH11KT	1	<i>[Signature]</i>	2.0		8.0	10	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10120008	LÊ TIẾN ĐÀI	DH10KT	1	<i>[Signature]</i>	1.5		6.5	8.0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10123034	PHAN THỊ GÁI	DH10KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0		7.2	9.2	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11143046	LÊ THỊ HỒNG GẮM	DH11KM	1	<i>[Signature]</i>	2.0		5.6	7.6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10122042	NGUYỄN HOÀNG GIANG	DH10QT	1	<i>[Signature]</i>	2.0		6.5	8.5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10122043	LƯƠNG THỦY HÀ	DH10QT	1	<i>[Signature]</i>	2.0		6.5	8.5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11123101	BÙI THỊ HẰNG	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	2.0		5.0	7.0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11120030	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	DH11KT	1	<i>[Signature]</i>	2.0		7.5	9.5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11150085	VÕ THỊ HIỀN	DH11TM	1	<i>[Signature]</i>	1.5		1.6	3.1	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10122060	TRỊNH XUÂN HÒA	DH10QT	1	<i>[Signature]</i>	2.0		2.0	4.0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 10; Số tờ: 10

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]

[Signature]

Ngày 26 tháng 08 năm 2013

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00259

Trang 2/1

Học Kỳ 3 - Năm Học 12-13

Môn Học : Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/08/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV101

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20%)	Đ 2 (80%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11122130	ĐẶNG HỒNG HUẾ	DH11QT	1	<i>Nghe</i>	2.0		5.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11123112	ĐÌNH THỊ NGỌC HUỆ	DH11KE	1	<i>Nghe</i>	2.0		7.2	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11120084	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11KT	1	<i>Nghe</i>	2.0		5.6	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363106	PHẠM THỊ HUYỀN	CD11CA	1	<i>Phạm</i>	2.0		5.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11122013	HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG	DH11QT	1	<i>My</i>	2.0		5.6	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11123254	PHETVILAY INTHISN	DH11KE	1	<i>B</i>	2.0		2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11120032	LÊ ANH KHOA	DH11KT	1	<i>Le</i>	2.0		7.2	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11120007	KA SẢ HA KHUY	DH11KT	1	<i>King</i>	2.0		4.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11363050	TRẦN THỊ HOÀI THAN LANH	CD11CA	1	<i>Hoai</i>	2.0		5.6	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10122080	CAO VĂN LÂM	DH10QT	1	<i>Van</i>	2.0		7.8	9.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10122087	PHẠM THỊ YẾN LINH	DH10QT	1	<i>Yen</i>	2.0		5.6	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12363059	ĐẶNG THỊ THANH LOAN	CD12CA	1	<i>Thanh</i>	2.0		8.5	10.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11123123	TRẦN THỊ MỸ LOAN	DH11KE	1	<i>My</i>	2.0		8.0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	09120014	TRẦN QUANG LONG	DH09KT	1	<i>Long</i>	2.0		5.6	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11363087	PHAN THỊ THANH MAI	CD11CA	1	<i>Phan</i>	0.0		1.6	1.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	09222058	NGUYỄN MÂY	TC09QTTD	1	<i>Mây</i>	2.0		3.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10122093	NGUYỄN HIẾN MINH	DH10QT	1	<i>Minh</i>	2.0		8.0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11120133	THÁI THỊ NA	DH11KT	1	<i>Na</i>	2.0		6.6	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 10; Số tờ: 10

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Uk GT Nguyenet

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Uk

Cán bộ chấm thi 1&2

Abau

Đam Thi Hai

Ngày 26 tháng 09 năm 2013

Trang 3/1

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài: 40; Số tờ: 40
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trong số

U.S. Co T Agency

[Signature]

Hà Nội

Hà Nội Hai Bà

Ngày 26 tháng 09 năm 2023

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00260

Trang 1/1

Học Kỳ 3 - Năm Học 12-13

Môn Học : Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/08/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV102

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11123176	LƯƠNG THỊ Ý NHI	DH11KE	1	Nhi	2.0		6.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11123031	TRẦN HUỖNH YẾN	DH11KE	1	Yen	2.0		5.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11120111	HUỖNH THỊ THẢO	DH11KT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11QT	1	Ngoc	2.0		3.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11143018	NGUYỄN THỊ THÚY	DH11KM	1	Thuy	2.0		6.8	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10122118	NGUYỄN SƯ	DH10QT	1	Su	1.5		1.6	3.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11121025	HOÀNG XUÂN	DH11KT	1	Xuan	2.0		2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11120040	BÙI THỊ THANH	DH11KT	1	Thanh	2.0		5.6	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11123211	HOÀNG THỊ TUYẾT	DH11KE	1	Tuyet	2.0		7.2	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11143177	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11KM	1	Ngoc	2.0		6.8	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10123157	NGUYỄN THỊ CẨM	DH10KE	1	Cam	2.0		8.0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11123253	KHAMMANNIVONG	DH11KE	1	Su	2.0		2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11120012	BÙI VĂN	DH11KT	1	Van	2.0		5.6	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09120071	NÔNG VĂN	DH09KT	1	Hoa	1.5		2.5	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11143092	NGUYỄN THỊ	DH11KM	1	Thanh	2.0		7.2	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11155037	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG	DH11KN	1	Phuong	2.0		5.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11122110	PHAN THỊ PHƯƠNG	DH11QT	1	Phu	2.0		8.0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11143098	NGÔ NGỌC	DH11KM	1	Ngoc	2.0		5.6	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28; Số tờ: 38

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn N. L. Duyên
Lê Nga

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Cá nhân

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Hải Âu

Ngày 26 tháng 09 năm 2013

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00260

Trang 2/1

Học Kỳ 3 - Năm Học 12-13

Môn Học : Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 28/08/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV102

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11155045	PHAN THỊ THẨM	DH11KN	1	<i>Phan</i>	2.0		8.0	10	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	11143023	PHẠM NGỌC THẮNG	DH11KM	1	<i>Phạm</i>	2.0		0.8	2.8	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	11150068	TRẦN ĐỨC THỌ	DH11TM	1	<i>Trần</i>	1.5		1.6	3.1	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỆM	DH11KE	1	<i>Nguyễn</i>	2.0		6.8	8.8	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	10150085	VŨ THỊ THANH	DH10TM	1	<i>Vũ</i>	0.0		1.6	1.6	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	11123157	PHẠM ĐOÀN	DH11KE	1	<i>Phạm</i>	2.0		8.0	10	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	11120047	HUỲNH NGỌC MAI	DH11KT	1	<i>Huỳnh</i>	1.5		0.8	2.3	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	11122046	LÊ THANH TỊNH	DH11QT	1	<i>Lê</i>	2.0		3.5	5.5	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	11143112	TRẦN THỊ THU	DH11KM	1	<i>Trần</i>	2.0		3.2	5.2	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	10122174	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH10QT	1	<i>Nguyễn</i>	2.0		3.5	5.5	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	11123082	TRẦN THỊ HÀ	DH11KE	1	<i>Trần</i>	2.0		3.2	4.2	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH11KE	1	<i>Nguyễn</i>	2.0		8.0	10	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	11143183	BÙI THỊ TRINH	DH11KM	1	<i>Bùi</i>	2.0		3.5	5.5	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	11155027	DƯƠNG THỦY	DH11KN	1	<i>Dương</i>	1.5		5.6	7.1	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	11120025	ĐOÀN BẢO	DH11KT	1	<i>Đoàn</i>	2.0		2.0	4.0	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	09130094	TRẦN QUỐC TUẤN	CD10TH		<i>Trần</i>					V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	10122192	LÊ QUANG	DH10QT	1	<i>Lê</i>	1.5		4.6	3.1	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	10122197	NGUYỄN THỊ THANH	DH10QT	1	<i>Nguyễn</i>	2.0		8.0	10	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 38..... Số tờ: 38.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần N. L. Duyên

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Chữ ký

Cán bộ chấm thi 1&2

Chữ ký

Ngày 26 tháng 09 năm 2013

Học Kỳ 3 - Năm Học 12-13

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

Số bài: 38; Số tờ: 38

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày 26 tháng 09 năm 2023

Cán bộ chấm thi 1&2
Huyền
Huyền Thị Hải



Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In D2105

Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Điểm thi học kỳ

Toán tài chính (908322)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	PHƯƠNG THỊ	Tân lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Trang 1	
									Ghi chú	

1 05223039 NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TC05KETD L 7,5 *Đạt năm Điểm*

Tổng số sinh viên dự thi: 1 Số bài thi: 1 Số tờ: 1

Số sinh viên đạt: ; Không đạt:

Kỳ thi ngày Tháng Năm

Cán Bộ Coi Thi 1 Cán Bộ Coi Thi 2

Xác nhận của Bộ Môn Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú